

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ HOÀ THÀNH
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 70/2025/DS-ST
Ngày: 29-5-2025
V/v Hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HOÀ THÀNH – TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lê Công Quyền;
- Bà Đỗ Thị Mỹ Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Thảo Quyên – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hoà Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoà Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Lâm Thuý Vi – Kiểm sát Viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Hoà Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 483/2024/TLST-DS ngày 06 tháng 11 năm 2024 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2025/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 4 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa ngày 12-5-2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Kim T, sinh năm 1965; ông Trần Văn S, sinh năm: 1963; địa chỉ: Số C tổ A, ấp L, xã L, thị xã H, tỉnh Tây Ninh.

Đại diện uỷ quyền của nguyên đơn: Anh Dương Lê T1, sinh năm: 1987; địa chỉ: Tổ C, ấp S, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

Bị đơn:

- Ông Trần Nghĩa T2, sinh năm: 1962;
- Bà Nguyễn Thị Bé H, sinh năm: 1962; địa chỉ: Số 80, hẻm 3 đường 57, Nguyễn Lương B, tổ A, ấp T, xã T, thị xã H, tỉnh Tây Ninh.
- Anh Nguyễn Nhật A, sinh năm: 1991; địa chỉ: Nhà số 5, tổ 26, ấp Trường Lộc, xã Trường Tây, thị xã Hoà Thành, tỉnh Tây Ninh.

Đại diện nguyên đơn có đơn xin vắng mặt; bị đơn vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22 tháng 10 năm 2024, bản tự khai và các biên bản làm việc đại diện nguyên đơn trình bày: Mỗi quan hệ giữa bà T, ông S với ông T2, bà H và anh A là quen biết nhau.

Trong năm 2024, bà T, ông S có cho ông T2, bà H và anh A vay tiền cụ thể:

Ngày 09-3-2024, bà T, ông S có cho ông T2, bà Bé H, anh A vay 100.000.000đồng. Thời gian vay 02 tháng, lãi suất thoả thuận miệng 1,5%/tháng.

Ngày 18 - 03 - 2024 bà T, ông S có cho ông T2, bà Bé H, anh A vay 100.000.000đồng. Thời gian vay 02 tháng, lãi suất thoả thuận miệng 1,5%/tháng.

Ngày 24 - 03 - 2024 bà T, ông S có cho ông T2, bà Bé H, anh A vay 100.000.000đồng. Thời gian vay 02 tháng lãi suất thoả thuận miệng 1,5%/tháng.

Ngày 22 - 04 - 2024 bà T, ông S có cho ông T2, bà Bé H, anh A vay 150.000.000 đồng. Thời gian vay 02 tháng, lãi suất thoả thuận miệng 1,5%/tháng.

Ngày 22 - 08 - 2024, bà T, ông S có cho ông T2, bà Bé H vay số tiền 850.000.000 đồng. Thời gian vay 02 tháng, lãi suất thoả thuận miệng 1,5%/tháng, được Văn phòng Lê Quang S1 công chứng hợp đồng vay.

Khi vay tiền, không thể chấp tài sản nhưng ông T2, bà H và anh A có ký giấy nợ giao cho bà T, ông S giữ. Riêng số tiền vay ngày 22-8-2024, ông T2, bà H và ông S bà T có lập hợp đồng vay tiền và có Văn phòng công chứng Lê Quang S1 công chứng hợp đồng vay tiền. Ông T2, bà H vay tiền làm vốn làm ăn.

Từ khi vay tiền ông T2, bà H, anh A không đóng tiền lãi cho bà T, ông S và cũng không trả tiền nợ gốc.

Nay anh xác định ông T2, bà H và anh A còn nợ tổng cộng là 1.300.000.00 đồng và yêu cầu cụ thể:

Ông S, bà T yêu cầu ông T2, bà H trả 850.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 22-8-2024 đến ngày xét xử x 0,83%.

Ông S, bà T yêu cầu ông T2, bà H và anh A liên đới trả 450.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 22-4-2024 đến ngày xét xử x 0,83%.

Ngoài ra, ông T2, bà H và anh A không còn nợ khoản tiền nào khác.

Đại diện nguyên đơn không yêu cầu gì thêm.

Bị đơn ông Trần Nghĩa T2, bà Nguyễn Thị Bé H và anh Trần Nguyễn Nhật A: Ông T2, bà H và anh A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ mà vẫn cố tình vắng mặt nên không có văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoà Thành phát biểu ý kiến:

Về trình tự thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

Tại Tòa, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự thủ tục do Bộ luật Tố tụng dân sự quy định, không vi phạm về tố tụng.

Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Nguyên đơn, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia giải quyết vụ án cũng như tại Tòa hôm nay, đại diện nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt không lý do, xem như bị đơn từ chối quyền và nghĩa vụ của mình. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt họ theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, ông S đối với ông T2, bà hai và anh A về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

Buộc ông T2, bà H có nghĩa vụ trả cho ông S, bà T 850.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật.

Buộc ông T2, bà H và anh A có nghĩa vụ trả 450.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra làm rõ tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện, khách quan yêu cầu, đề nghị của các đương sự, ý kiến của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] *Về tố tụng*: Tòa án đã tổng đạt các thủ tục tố tụng đối với các đương sự theo đúng quy định pháp luật. Đại diện nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn ông T2, bà H và anh A đến giờ này vẫn vắng mặt, xem như họ từ bỏ quyền yêu cầu của mình. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền vay 1.300.000.000 đồng. Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thời hiệu khởi kiện: Theo quy định tại Điều 429 của Bộ luật Dân sự “Thời hiệu khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng là 03 năm kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm”. Tháng 3-2024, nguyên đơn cho bị đơn vay 1.300.000.000 đồng đến nay chưa trả. Ngày 22-10-2024 nguyên đơn nộp đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền vay nên thời hiệu khởi kiện vẫn còn.

[2] *Về nội dung*: Quá trình giải quyết, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền vay còn nợ là 1.300.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi suất 0,83% tính từ ngày vay đến ngày xét xử 29-5-2025.

Xét yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ, quá trình giải quyết nguyên đơn cung cấp chứng cứ là Hợp đồng vay tiền 850.000.000 đồng có chữ ký của bị đơn ông T2, bà H và được Văn phòng C công chứng hợp đồng; 04 giấy mượn tiền tổng cộng 450.000.000 đồng có chữ ký của bị đơn ông T2, bà H và anh A, có cơ sở xác định bị đơn có vay 1.300.000.000 đồng của nguyên đơn đến nay chưa trả là có thật. Do đó, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông T2, bà H có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền vay còn nợ 850.000.000 đồng; buộc bị đơn ông T2, bà H và anh A có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền vay còn nợ 450.000.000 đồng là phù hợp pháp luật.

Xét yêu cầu tính lãi suất của nguyên đơn đối với bị đơn là 0,83%/tháng, phù hợp với lãi suất do pháp luật quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự, cần chấp nhận yêu cầu tính lãi suất của nguyên đơn là phù hợp pháp luật. Do đó, tiền lãi được tính cụ thể như sau:

Đối với tiền vay 850.000.000 đồng: $850.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 09 \text{ tháng} 07 \text{ ngày}$ (tính từ ngày 22-8-2024 đến ngày xét xử 29-5-2025) = 65.141.000 đồng.

Đối với tiền vay 450.000.000 đồng, vay ngày 09, 18, 24-3-2023 và ngày 22-4-2024, nguyên đơn yêu cầu tính lãi chung ngày 22-4-2024 cho 04 khoản vay, xét thấy phù hợp: $450.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 13 \text{ tháng} 07 \text{ ngày}$ (tính từ ngày 22-4-2024 đến ngày xét xử 29-5-2025) = 49.426.500 đồng.

Như vậy: Ông T2, bà H có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn 915.141.000 đồng, trong đó tiền vay gốc 850.000.000 đồng, tiền lãi 65.141.000 đồng.

Ông T2, bà H và anh A có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn 499.426.500 đồng, trong đó tiền vay gốc 450.000.000 đồng, tiền lãi 49.426.500 đồng.

[3] Tại Tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả số tiền vay còn nợ 1.300.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở nên chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH1430-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 429, 463, 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 12; khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH1430-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Kim T, ông Trần Văn S đối với ông Trần Nghĩa T2, bà Nguyễn Thị Bé H và anh Trần Nguyễn Nhật A.

Ông T2, bà H có nghĩa vụ trả cho bà T, ông S 915.141.000 (chín trăm mười lăm triệu, một trăm bốn mươi một nghìn) đồng, trong đó tiền vay gốc 850.000.000 đồng, tiền lãi 65.141.000 đồng.

Ông T2, bà H và anh A có nghĩa vụ trả cho bà T, ông S 499.426.500 (bốn trăm chín mươi chín triệu, bốn trăm hai mươi sáu nghìn, năm trăm) đồng, trong đó tiền vay gốc 450.000.000 đồng, tiền lãi 49.426.500 đồng.

Kể từ ngày 30-5-2025 cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản nợ, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Nghĩa T2, bà Nguyễn Thị Bé H phải chịu 39.454.230 (ba mươi chín triệu, bốn trăm năm mươi bốn nghìn, hai trăm ba mươi) đồng (đối với số tiền 915.141.000 của nguyên đơn được chấp nhận).

Ông Trần Nghĩa T2, bà Nguyễn Thị Bé H và anh Trần Nguyễn Nhật A phải chịu 23.977.000 (hai mươi ba triệu, chín trăm bảy mươi bảy nghìn) đồng (đối với số tiền 499.426.500 của nguyên đơn được chấp nhận). Ông T2, bà H và anh A mỗi người phải chịu 7.992.333 (bảy triệu, chín trăm chín mươi hai nghìn, ba trăm ba mươi ba) đồng.

Ông T2, bà H là người cao tuổi nên được miễn nộp theo quy định tại Điều 12 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH1430-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Ông S, bà T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh hoàn trả bà Lê Kim T, ông Trần Văn S 26.591.000 (hai mươi sáu triệu, năm trăm chín mươi một nghìn) đồng là tiền tạm ứng án ông S, bà T đã tạm nộp theo biên lai thu số 0011728, 0011757 ngày 01-11-2024 và ngày 11-11-2024.

3. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Các đương sự vắng mặt, được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND TX.HT;
- CCTHA TX.HT;
- Đương sự;
- Lưu.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa Phiên tòa

Đào Thị Hiền